PHỤ LỤC II

KẾT QUẢ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ THỊ TRẤN CHỢ CHÙA KHOÁ XV, NHIỆM KỲ 2026-2030

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thị trấn Chợ Chùa)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NQ Đại hội 05 năm 2026-2030/đến năm 2030	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2027	Thực hiện năm 2028	Thực hiện năm 2029	Ước thực hiện năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
I	**VỀ KINH TẾ**									
1	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng		2.520,15	2.837,13	3.216,36	3.647,06	4.138,39	4.702,80	3.708,35
	Tốc độ phát triển tổng giá trị sản xuất hàng năm	%	12,5-13,5	12,95	12,58	13,37	13,39	13,47	13,64	13,47
	Giá trị sản xuất CN- tiểu thủ công nghiệp-XD	Tỷ đồng		831,11	935,83	1.062,17	1.204,50	1.368,31	1.558,50	1.225,86
	Tốc độ phát triển giá trị sản xuất ngành CN-TTCN-XD	%			12,60	13,50	13,40	13,60	13,90	13,60
	TM- DV, vận tải	Tỷ đồng		1.595,84	1.796,91	2.037,70	2.312,79	2.627,33	2.987,27	2.352,40
	Tốc độ phát triển giá trị sản xuất ngành TMDV-VT	%			12,60	13,40	13,50	13,60	13,70	13,55
	Giá trị sản xuất nông nghiệp	Tỷ đồng		93,20	104,38	116,49	129,77	142,75	157,02	130,08
	Tốc độ phát triển giá trị sản xuất ngành NN	%		1,08	12,00	11,60	11,40	10,00	10,00	10,75

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NQ Đại hội 05 năm 2026-2030/đến năm 2030	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2027	Thực hiện năm 2028	Thực hiện năm 2029	Ước thực hiện năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
2	Cơ cấu giá trị sản xuất			100	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
	- Công nghiệp -TTCN - xây dựng	%	33-34	32,98	32,99	33,02	33,03	33,06	33,14	33,05
	- TM, Dịch vụ, vận tải	%	62,5-63,5	63,32	63,34	63,35	63,42	63,49	63,52	63,42
	- Nông nghiệp	%	3-4	3,70	3,7	3,6	3,56	3,45	3,34	3,53
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/năm	75-80	64,50	67,40	70,44	73,61	76,92	80,38	
4	Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm vượt dự toán huyện giao	Tỷ đồng	>5	>5	Vượt 5% so với KH huyện giao					
III	**VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI**									
5	Trường đạt Phổ cập giáo dục									
	- Trường Mầm non	Trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
	- Trường Tiểu học	Trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
	- Trường THCS	Trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	98,0	97,0	97,0	97,0	98,0	98,0	98,0	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60,0	80,0	60,0	60,0	65,0	75,0	80,0	
8	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	Theo giai đoạn 2026-2030	0,98	Đạt chỉ tiêu huyện giao					
9	Tỷ lệ hộ gia đình Văn hóa	%	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0	95,0	
IV	**MÔI TRƯỜNG**									

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NQ Đại hội 05 năm 2026-2030/đến năm 2030	Ước thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2027	Thực hiện năm 2028	Thực hiện năm 2029	Ước thực hiện năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
10	Tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia đến năm 2030	%	80		76	77	78	79	80	
11	Tỷ lệ dân cư dùng nước hợp vệ sinh	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
12	Tỷ lệ thu gom rác thải	%	100,0	95,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
IV	**VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH**									
13	Thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về QP, AN	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
14	Thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
15	Tỷ lệ giao quân hàng năm	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	